

**BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 104/2008/TT-BTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2008

**THÔNG TƯ**

**hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá**

*Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá (sau đây gọi tắt là Nghị định số 170/2003/NĐ-CP);*

*Căn cứ Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá (sau đây gọi tắt là Nghị định số 75/2008/NĐ-CP);*

*Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP như sau:*

**A. QUY ĐỊNH CHUNG**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện bình ổn giá; quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, trình, thẩm định phương án giá, quyết định giá; hồ sơ phương án giá và nội dung phương án giá; hồ sơ và thủ tục hiệp thương giá; kiểm soát các yếu tố hình thành giá; đăng ký giá; kê khai giá hàng hóa, dịch vụ.

**B. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ****I. THỰC HIỆN BÌNH ỔN GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ****1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực**

hiện bình ổn giá quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP được quy định cụ thể tại Phụ lục số 1a kèm theo Thông tư này và danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) theo quy định tại điểm 3, khoản 2, Điều 1, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP.

## 2. Điều kiện áp dụng các biện pháp bình ổn giá

Khi giá thị trường trong nước của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục dưới đây và được cụ thể hóa tại Phụ lục số 1a Thông tư này có biến động bất thường: tăng quá cao hoặc giảm quá thấp không hợp lý so với mức giá thị trường trong nước trước khi biến động theo quy định dưới đây trong các trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, dịch họa, khủng hoảng kinh tế; các tổ chức cá nhân lạm dụng vị thế độc quyền, liên kết độc quyền về giá, đầu cơ, găm hàng, biến động cung cầu hàng hóa, dịch vụ hoặc do các tin đồn bịa đặt loan tin thất thiệt không có căn cứ về việc tăng giá hoặc giảm giá ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội và đời sống của nhân dân ở từng vùng, khu vực hay cả nước; cụ thể:

a) Xăng, dầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 55/2007/NĐ-CP ngày 06/4/2007 của Chính phủ về kinh doanh

xăng dầu và các hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Xi măng, thép xây dựng: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ trên thị trường tăng bình quân từ 15% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động;

c) Khí hóa lỏng: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ trên thị trường tăng bình quân từ 20% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động;

d) Phân bón hóa học: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ trên thị trường tăng từ 20% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động;

e) Thuốc bảo vệ thực vật: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ trên thị trường tăng từ 15% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động;

f) Thuốc thú y: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ tăng từ 15% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động;

g) Muối: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán muối do diêm dân sản xuất bán cho các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) mua muối giảm ít nhất 20% so với giá trước khi có biến động;

h) Sữa: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ sữa tăng từ 20%

trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động;

i) Đường ăn: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục giá bán lẻ đường trắng và đường tinh luyện trên thị trường tăng từ 20% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động;

k) Thóc (lúa): Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục giá bán thóc trên thị trường của nông dân giảm ít nhất 15% so với giá thị trường trước khi có biến động;

l) Gạo tẻ thường: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ trên thị trường tăng từ 20% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động;

m) Thuốc phòng, chữa bệnh cho người (bao gồm các loại thuốc thuộc danh mục thuốc chữa bệnh chủ yếu sử dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế): Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ trên thị trường tăng từ 15% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động;

n) Cước dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, tăng từ 20% trở lên so với giá quy định trước đó;

o) Một số loại thức ăn chăn nuôi gia súc (ngô, đậu tương, khô dầu đậu tương): Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục

giá bán tăng từ 20% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động;

p) Hàng hóa dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thì Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể điều kiện áp dụng các biện pháp bình ổn giá phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

### 3. Thẩm quyền quyết định các biện pháp bình ổn giá

Khi giá hàng hóa, dịch vụ biến động bất thường theo quy định tại Khoản 2 Mục I Phần B Thông tư này thì cơ quan quản lý nhà nước về giá quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền.

3.1. Bộ Tài chính căn cứ tình hình thực tế lập báo cáo và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công bố áp dụng một hay một số biện pháp bình ổn giá theo quy định tại điểm 1, khoản 3, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Các biện pháp để điều chỉnh cung cầu hàng hóa;

b) Mua vào, bán ra hàng dự trữ quốc gia;

c) Kiểm soát hàng hóa tồn kho;

d) Các biện pháp tài chính, tiền tệ.

3.2. Bộ Tài chính căn cứ tình hình thực tế quyết định công bố áp dụng một hay một số biện pháp bình ổn giá theo quy

định tại điểm 2, khoản 3, Điều 1, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Quy định giá tối đa, tối thiểu, khung giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá làm căn cứ để các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh quyết định mức giá mua bán cụ thể;

b) Kiểm soát các yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá để Bộ Tài chính, các Bộ, ngành có liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai tổ chức thực hiện theo quy định tại điều 22a, khoản 10, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP và quy định tại mục V, phần B, Thông tư này;

c) Đăng ký giá, kê khai giá: thực hiện theo quy định tại Điều 22b, khoản 10, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP và quy định tại mục VI và VII, phần B Thông tư này;

d) Công khai thông tin về giá theo quy định Điều 22c, khoản 10, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP;

đ) Các biện pháp về kinh tế, hành chính khác theo thẩm quyền gồm:

- Quyết định đình chỉ thực hiện các mức giá hàng hóa và dịch vụ do doanh nghiệp đã quyết định và yêu cầu thực hiện các mức giá trước khi có biến động bất thường;

- Phạt cảnh cáo, phạt tiền, thu phần chênh lệch giá tăng bất hợp lý vào Ngân

sách nhà nước hoặc đề nghị cơ quan cấp giấy đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

- Quyết định tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý giá, bán hàng hóa dịch vụ theo đúng giá do cơ quan có thẩm quyền quy định; kiểm tra việc niêm yết giá và bán hàng hóa, dịch vụ theo giá niêm yết. Xử phạt các vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá theo quy định của pháp luật;

- Quyết định biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm giá thành sản phẩm; các biện pháp hỗ trợ tài chính theo quy định của pháp luật.

3.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo quy định tại điểm 3, khoản 3, Điều 1, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Các biện pháp theo thẩm quyền để điều hòa cung cầu hàng hóa, dịch vụ;

b) Các biện pháp tài chính, tiền tệ;

c) Đăng ký giá, kê khai giá: thực hiện theo quy định tại Điều 22b, khoản 10, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP và quy định tại mục VI và VII, phần B Thông tư này;

d) Công khai thông tin về giá theo quy định tại Điều 22c, khoản 10, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP;



đ) Các biện pháp về kinh tế, hành chính khác theo thẩm quyền bao gồm:

- Quyết định đình chỉ thực hiện các mức giá hàng hóa và dịch vụ do doanh nghiệp đã quyết định và yêu cầu thực hiện các mức giá trước khi có biến động bất thường.

- Phạt cảnh cáo, phạt tiền, thu chênh lệch giá do tăng giá bất hợp lý vào ngân sách nhà nước hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Quyết định tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý giá, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do cơ quan có thẩm quyền quy định; kiểm tra việc niêm yết giá và bán hàng hóa, dịch vụ theo giá niêm yết. Xử phạt các vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá theo quy định của pháp luật.

- Quyết định biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm giá thành sản phẩm.

4. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về giá trong việc thực hiện bình ổn giá

4.1. Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thuộc thẩm quyền quyết định và công bố thi hành các biện pháp bình ổn giá của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tài chính, Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính) có trách nhiệm:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan kịp thời kiến nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá thực hiện ở từng vùng, khu vực hoặc trên phạm vi cả nước;

b) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá phù hợp với diễn biến thực tế giá cả thị trường và yêu cầu quản lý để áp dụng trong từng thời kỳ;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện kiểm soát các yếu tố hình thành giá đối với các mặt hàng quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP và quy định tại mục V Thông tư này hoặc tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ hoặc Sở Tài chính cấp tỉnh kiểm soát các yếu tố hình thành giá đối với các doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn của địa phương;

d) Kịp thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá và lập báo cáo để Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá.

4.2. Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thuộc thẩm quyền quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong tỉnh kịp thời kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền thực hiện tại địa phương;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong tỉnh thực hiện kiểm soát các yếu tố hình thành giá đối với các mặt hàng thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 10, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP, quy định tại mục V Thông tư này và theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tài chính; thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan như: kiểm tra việc niêm yết giá, bán hàng hóa và dịch vụ theo giá niêm yết; việc đăng ký giá, kê khai giá, công khai thông tin về giá đối với loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá (theo thẩm quyền), phát hiện và xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm theo quy định của Pháp lệnh giá và các quy định của pháp luật có liên quan; kiểm tra việc chấp hành các biện pháp bình ổn giá;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan: Quản lý thị trường, Công Thương, Thuế, Hải quan, Công an... kiểm tra, thanh tra và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật hiện hành đối với các hiện tượng độc quyền, liên minh độc quyền, cạnh tranh không đúng pháp luật về giá, lợi dụng chủ trương điều hành giá của Nhà nước, lợi dụng sự biến động của thị trường, tình hình thiên tai, dịch bệnh để tăng giá, ép giá bất hợp lý;

d) Kịp thời báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và công bố áp dụng trên địa bàn địa phương.

5. Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh khi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của Nghị định số 75/2008/NĐ-CP và Thông tư này.

Khi cần thiết, theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phải báo cáo: chi phí sản xuất và các yếu tố hình thành giá, giá thành, giá bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá.

## II. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC LẬP, TRÌNH, THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ, QUYẾT ĐỊNH GIÁ

1. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Chính phủ:

1.1. Phương pháp xác định giá đất, khung giá các loại đất, phương pháp xác định khung giá cho thuê đất, mặt nước do Bộ Tài nguyên và Môi trường lập phương án giá, trình Chính phủ quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.2. Khung giá hoặc giá chuẩn nhà ở thuộc sở hữu nhà nước để bán hoặc cho thuê, khung giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội do Bộ Xây dựng lập phương án giá, trình Chính phủ quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Tài chính.

1.3. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá các loại rừng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng trình Chính phủ ban hành, sau khi có ý kiến bằng văn bản của các Bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Thủ tướng Chính phủ:

2.1. Khung giá cho thuê nhà ở công vụ do Bộ Xây dựng lập phương án giá, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của các Bộ, các ngành có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Tài chính.

2.2. Biểu giá bán lẻ điện do Cục Điều tiết điện lực lập phương án giá báo cáo Bộ Công thương xem xét để Bộ Công thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sau khi có ý kiến bằng văn bản của các Bộ có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Tài chính.

2.3. Giá cước dịch vụ đối với thư thường trong nước có khối lượng đến 20 gram và điện thoại nội hạt do các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ lập phương án giá báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét tổng hợp để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Tài chính.

2.4. Giá báo Nhân dân do cơ quan Báo Nhân dân lập phương án giá, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, sau khi có ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Tài chính.



3. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

3.1. Giá bán hoặc giá cho thuê tài sản của Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật không qua hình thức đấu giá; thực hiện theo hình thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu, tự thực hiện, đặc biệt theo quy định của Luật đấu thầu do các đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý tài sản lập, trình phương án giá để Bộ quản lý tài sản thẩm định và có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

3.2. Giá mua tối đa, giá bán tối thiểu đối với hàng dự trữ quốc gia:

- Giá mua tối đa, giá bán tối thiểu, chi phí nhập, chi phí xuất đối với hàng dự trữ quốc gia trong năm kế hoạch theo quy định của Pháp lệnh dự trữ Quốc gia do Cục Dự trữ quốc gia được giao quản lý thuộc thẩm quyền quy định giá của Bộ Tài chính (không bao gồm hàng dự trữ quốc gia về quốc phòng, an ninh và cơ yếu), Cục Dự trữ quốc gia lập phương án giá gửi Cục Quản lý giá thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

- Giá mua tối đa, giá bán tối thiểu

(không bao gồm hàng dự trữ quốc gia về quốc phòng, an ninh và cơ yếu); chi phí nhập, chi phí xuất đối với hàng dự trữ quốc gia trong năm kế hoạch theo quy định của Pháp lệnh dự trữ Quốc gia do các Bộ, ngành được giao quản lý (kể cả hàng dự trữ quốc gia về quốc phòng, an ninh và cơ yếu) thuộc thẩm quyền quy định giá của Bộ Tài chính, thì cơ sở trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia lập phương án trình Bộ, ngành được giao quản lý phê duyệt và có văn bản gửi Cục Quản lý giá thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

3.3. Giá sản phẩm dịch vụ công ích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng, giao kế hoạch; hàng hóa dịch vụ sản xuất theo đặt hàng của Nhà nước thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hiện theo hình thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu, tự thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu và không thông qua hình thức đấu giá (trừ hàng hóa, dịch vụ sản xuất, cung ứng theo đặt hàng; sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc thẩm quyền định giá của các Bộ, ngành khác và của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật) do đơn vị sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá báo cáo Bộ quản lý ngành phê duyệt và có văn bản gửi Cục Quản lý giá thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.



3.4. Khung giá cước vận chuyển hàng không nội địa; giá dịch vụ cất cánh, hạ cánh; điều hành bay đi, đến; hỗ trợ hoạt động bay; soi chiếu an ninh; phục vụ hành khách; giá dịch vụ khác tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không do đơn vị cung ứng dịch vụ lập phương án trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và có văn bản gửi Cục Quản lý giá thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

3.5. Khung giá nước sạch cho sinh hoạt do Cục Quản lý giá lập phương án giá, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.6. Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực độc quyền nhà nước theo quy định của pháp luật (trừ danh mục được quy định tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP) do doanh nghiệp lập phương án giá, Cục Quản lý giá thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của các Bộ có liên quan.

3.7. Miễn, giảm giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông trong trường hợp thông tin khẩn cấp do Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị, Cục Quản lý giá thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

3.8. Cục Quản lý giá chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện các quyết định giá của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ trưởng Bộ Công thương:

Căn cứ vào Biểu giá bán lẻ điện do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn giá bán điện cụ thể cho các đối tượng tiêu dùng trong mạng lưới điện quốc gia sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Bộ trưởng Bộ Công thương phê duyệt đối với khung giá phát điện; khung giá bán buôn điện; giá dịch vụ truyền tải điện, đấu nối lưới điện truyền tải, phân phối điện, điều độ hệ thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện lực; các giá dịch vụ phụ trợ, điều tiết thị trường điện lực, tham gia thị trường điện; giá bán lẻ điện nông thôn, miền núi, hải đảo.

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông:

5.1. Giá cước dịch vụ đối với thư cơ bản (thư thường) trong nước có khối lượng đến 20 gram và điện thoại nội

hạt: Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định giá cụ thể sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án giá cước.

5.2. Giá cước dịch vụ bưu chính công ích; dịch vụ viễn thông công ích; dịch vụ bưu chính dành riêng do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ lập phương án giá, trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

5.3. Giá cước dịch vụ viễn thông chiếm thị phần không chế của doanh nghiệp có thị phần không chế; giá cước kết nối giữa các doanh nghiệp viễn thông và một số loại giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ lập phương án giá trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định theo quy định tại Quyết định số 39/2007/QĐ-TTg ngày 21/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý cước dịch vụ bưu chính, viễn thông và Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT ngày 13/12/2007 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện quy định về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông.

6. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ trưởng Bộ Y tế:

Giá tối đa đối với các loại thuốc do ngân sách nhà nước và bảo hiểm y tế chi trả thực hiện theo quy định tại Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật dược và Thông tư liên tịch số 11/2007/TTLT-BYT-BTC-BCT ngày 31/8/2007 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về giá thuốc dùng cho người.

7. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ trưởng Bộ Xây dựng:

Căn cứ vào khung giá hoặc giá bán, giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho đối tượng chính sách, giá thuê mua nhà ở xã hội, giá thuê nhà ở công vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định, Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá bán, giá cho thuê nhà ở cụ thể tại địa phương.

8. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Căn cứ vào nguyên tắc và phương pháp xác định giá các loại rừng do Chính phủ quy định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá các loại rừng cụ thể tại địa phương.

9. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng:

9.1. Giá hàng hóa, dịch vụ phục vụ quốc phòng do các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng sản xuất, cung ứng theo đặt hàng, giao kế hoạch, chỉ định thầu thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước lập phương án giá, Cục Tài chính (Bộ Quốc phòng) thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định, gửi quyết định giá về Bộ Tài chính để báo cáo và kiểm tra khi cần thiết.

9.2. Giá hàng dự trữ quốc gia về quốc phòng trong năm kế hoạch theo quy định của Pháp lệnh Dự trữ quốc gia do các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng được giao nhiệm vụ quản lý hàng dự trữ quốc gia lập phương án giá; Cục Tài chính (Bộ Quốc phòng) thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định sau khi thống nhất về nguyên tắc với Bộ Tài chính, gửi quyết định giá về Bộ Tài chính để báo cáo và kiểm tra khi cần thiết.

10. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hóa,

dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ trưởng Bộ Công an:

10.1. Giá hàng hóa, dịch vụ phục vụ an ninh chính trị, trật tự xã hội do các doanh nghiệp thuộc Bộ Công an sản xuất, cung ứng theo đặt hàng, giao kế hoạch, chỉ định thầu thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước lập phương án giá, Vụ Tài chính (Bộ Công an) thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Công an quyết định, gửi quyết định giá về Bộ Tài chính để báo cáo và kiểm tra khi cần thiết.

10.2. Giá hàng dự trữ quốc gia về an ninh chính trị, trật tự xã hội trong năm kế hoạch theo quy định của Pháp lệnh Dự trữ quốc gia do các đơn vị thuộc Bộ Công an được giao nhiệm vụ quản lý hàng dự trữ quốc gia lập phương án giá, Vụ Tài chính (Bộ Công an) thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Công an quyết định sau khi thống nhất về nguyên tắc với Bộ Tài chính, đồng thời gửi quyết định giá về Bộ Tài chính để báo cáo và kiểm tra khi cần thiết.

11. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ trưởng Bộ Nội vụ:

Giá mua, bán hàng dự trữ quốc gia về cơ yếu trong năm kế hoạch theo quy định của Pháp lệnh Dự trữ quốc gia do đơn vị thuộc Bộ Nội vụ được giao nhiệm



quản lý hàng dự trữ quốc gia lập phương án giá trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định sau khi thống nhất về nguyên tắc với Bộ Tài chính, gửi quyết định giá về Bộ Tài chính để báo cáo và kiểm tra khi cần thiết.

12. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Căn cứ vào phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất do Chính phủ quy định, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể tại địa phương.

13. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với hàng dự trữ quốc gia thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ trưởng các Bộ khác:

Đối với hàng dự trữ quốc gia trong năm kế hoạch theo quy định của Pháp lệnh Dự trữ quốc gia, căn cứ vào thẩm quyền theo phân cấp về quản lý hàng dự trữ quốc gia của Chính phủ, căn cứ vào mức giá mua tối đa, giá bán tối thiểu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định, thủ trưởng các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quy định giá cụ thể để thực hiện mua, bán theo quy định của pháp luật và gửi quyết định giá về Bộ

Tài chính để báo cáo và kiểm tra khi cần thiết.

14. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

14.1. Cơ quan chuyên ngành hoặc cơ quan được phân công hướng dẫn xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp, gồm:

- Giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trong đô thị, khu công nghiệp do Nhà nước tổ chức đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách;

- Giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng đường sắt trong đô thị;

- Giá báo của cơ quan Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi có quyết định của Nhà nước về việc hỗ trợ kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho các đối tượng tái định cư; đối tượng chính sách; giá bán hoặc cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước để làm văn phòng hoặc kinh doanh; giá cho thuê,



thuê mua nhà ở xã hội; giá cho thuê nhà ở công vụ;

- Giá bán lẻ điện sinh hoạt tại khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo mà việc đầu tư và hoạt động điện lực không có hiệu quả kinh tế;

- Giá nước sạch cho sinh hoạt, cho các mục đích sử dụng khác;

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích được sản xuất theo đặt hàng, giao kế hoạch; giá hàng hóa, dịch vụ được sản xuất theo đặt hàng của Nhà nước thuộc ngân sách địa phương thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu, tự thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu và không qua hình thức đấu giá.

- Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; Mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; Giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;

- Giá rừng, giá cho thuê các loại rừng cụ thể tại địa phương.

14.2. Cơ quan chuyên ngành hoặc cơ quan được phân công hướng dẫn xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định:

- Giá cụ thể các loại đất, giá cho thuê đất, mặt nước tại địa phương;

Căn cứ hướng dẫn trên đây, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cụ thể cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, lập, trình, thẩm định phương án giá đối với từng hàng hóa, dịch vụ cụ thể theo quy định của pháp luật.

### III. HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN GIÁ VÀ NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN GIÁ

1. Hồ sơ phương án giá hoặc điều chỉnh giá (sau đây gọi chung là hồ sơ phương án giá) bao gồm:

1.1. Công văn đề nghị cơ quan có thẩm quyền định giá, điều chỉnh giá.

1.2. Bản giải trình phương án giá (bảng tổng hợp cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá và thuyết minh về cơ cấu tính giá đó).

1.3. Văn bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan (kèm theo bản sao ý kiến của các cơ quan theo quy định).

1.4. Văn bản thẩm định phương án giá của các cơ quan có chức năng thẩm định theo quy định.

1.5. Các tài liệu liên quan khác.

2. Nội dung giải trình phương án giá bao gồm:

2.1. Sự cần thiết và các mục tiêu phải định giá hoặc điều chỉnh giá (tình hình sản xuất, kinh doanh của hàng hóa, dịch vụ cần định giá hoặc điều chỉnh giá; diễn biến giá cả thị trường trong nước và thế giới; sự cần thiết phải thay đổi giá..).

2.2. Căn cứ định giá hoặc điều chỉnh giá (các văn bản quy phạm pháp luật liên quan).

2.3. Bản tính toán giá thành hàng hóa dịch vụ (nếu sản xuất trong nước), giá vốn nhập khẩu (nếu là hàng hóa nhập khẩu); giá bán hàng hóa, dịch vụ, cơ cấu các mức giá kiến nghị phải thực hiện theo Quy chế tính giá do Bộ Tài chính quy định.

So sánh mức giá đề nghị với mức giá của hàng hóa, dịch vụ của một số nước trong khu vực và thị trường trong nước (nếu có).

2.4. Tác động của mức giá mới đối với hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh khác, đến ngân sách nhà nước, tác động đến đời sống, xã hội, thu nhập của người tiêu dùng.

2.5. Các biện pháp tổ chức triển khai thực hiện mức giá mới.

3. Hồ sơ phương án giá gửi cơ quan thẩm định: thực hiện theo mẫu thống nhất tại phụ lục số 2 kèm theo Thông tư này.

#### IV. HỒ SƠ VÀ THỦ TỤC HIỆP THƯƠNG GIÁ

##### 1. Hồ sơ hiệp thương giá gồm:

1.1. Văn bản chỉ đạo yêu cầu hiệp thương giá của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản đề nghị hiệp thương giá của một trong hai (hoặc cả hai) bên mua và bên bán gửi cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá.

##### 1.2. Phương án giá hiệp thương:

a) Bên bán phải hiệp thương giá bắt buộc theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền hoặc chính bên bán đề nghị hiệp thương giá thì bên bán phải lập phương án giá hiệp thương gửi cơ quan có thẩm quyền hiệp thương giá giải trình rõ những nội dung sau:

- Tình hình sản xuất - tiêu thụ, cung - cầu của hàng hóa, dịch vụ;

- Phân tích mức giá đề nghị hiệp thương:

+ Lập bảng tổng hợp cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá, phân tích thuyết minh cơ cấu tính giá (có phân tích, so sánh với cơ cấu hình thành giá trước khi được yêu cầu hoặc đề nghị hiệp thương giá).

+ Phân tích tác động của mức giá mới đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh đến hoạt động tài chính, đời sống người lao

động trong doanh nghiệp và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

+ Những vấn đề mà bên bán chưa thống nhất được với bên mua, lập luận của bên bán về những vấn đề chưa thống nhất.

+ Các kiến nghị (nếu có).

b) Bên mua phải hiệp thương giá bắt buộc theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền hoặc chính bên mua đề nghị hiệp thương giá thì bên mua phải lập phương án giá hiệp thương gửi cơ quan có thẩm quyền hiệp thương giá giải trình những nội dung sau:

- Lập bảng tổng hợp cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá của hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất ra tính theo giá đầu vào mới mà bên bán dự kiến bán. Thuyết minh cơ cấu tính giá (có phân tích, so sánh với mức giá đầu vào trước khi được yêu cầu hoặc đề nghị hiệp thương giá).

- Phân tích tác động của mức giá mới đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh, đến hoạt động tài chính, đời sống của người lao động trong doanh nghiệp, giá bán của sản phẩm, khả năng chấp nhận của người tiêu dùng, so sánh với giá hàng hóa, dịch vụ cùng loại trên thị trường và nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

- Những vấn đề mà bên mua chưa thống nhất với bên bán, lập luận của bên

mua về những vấn đề chưa thống nhất đó.

- Các kiến nghị khác (nếu có).

1.3. Khi có chỉ đạo hiệp thương giá bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì cả hai bên mua và bán đều phải lập hồ sơ hiệp thương giá theo hướng dẫn trên.

1.4. Hồ sơ hiệp thương giá thực hiện theo mẫu thống nhất tại phụ lục số 3 kèm theo Thông tư này và do hai bên mua và bán lập, gửi trước cho cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá ít nhất 3 bộ và đồng gửi cho bên đối tác mua (hoặc bán).

2. Thủ tục và trình tự hiệp thương giá.

2.1. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá thực hiện theo quy định tại khoản 8, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP.

2.2. Thành phần tham gia tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ bao gồm: cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá; đại diện có thẩm quyền của bên mua, bên bán và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá.

2.3. Trình tự hiệp thương giá:

a) Sau khi nhận được đầy đủ Hồ sơ hiệp thương giá theo quy định tại khoản

1, mục IV, phần B Thông tư này trong khoảng 5 ngày (ngày làm việc), cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá quyết định thời gian cụ thể tiến hành hội nghị hiệp thương giá, thông báo bằng văn bản cho các bên tham gia hiệp thương giá biết.

Trong trường hợp hồ sơ hiệp thương giá của các doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá có văn bản yêu cầu các bên tham gia hiệp thương giá thực hiện đúng quy định.

b) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá trình bày mục đích, yêu cầu, nội dung hiệp thương giá; yêu cầu bên mua, bên bán trình bày hồ sơ, phương án hiệp thương giá đồng thời nghe ý kiến của các cơ quan có liên quan tham gia hiệp thương giá;

c) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá kết luận và ghi biên bản (có chữ ký của cơ quan tổ chức hiệp thương giá, đại diện bên mua, bên bán), thông báo kết quả hiệp thương và hình thức công bố kết quả hiệp thương giá để hai bên mua và bán thi hành;

d) Doanh nghiệp hiệp thương giá có quyền rút lại hồ sơ hiệp thương giá để tự thỏa thuận với nhau về mức giá mua, giá bán của hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương giá trước khi cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá.

2.4. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức hiệp thương giá:

a) Trong thời hạn sau 15 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận được yêu cầu hiệp thương giá của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đề nghị hiệp thương giá của bên mua hoặc bên bán, đồng thời nhận được đủ hồ sơ hiệp thương giá theo quy định tại khoản 1 Mục IV phần B Thông tư này, cơ quan có thẩm quyền phải tổ chức hiệp thương giá;

b) Trước thời điểm tổ chức hiệp thương giá, cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá phải tiến hành thu thập, phân tích những thông tin cần thiết có liên quan đến hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá; phân tích các yếu tố hình thành giá ảnh hưởng đến bên bán và bên mua, tạo điều kiện để cho hai bên mua và bán thỏa thuận thống nhất với nhau về mức giá;

c) Quyết định mức giá hiệp thương thực hiện theo quy định của pháp luật để bên mua và bên bán thi hành.

## V. KIỂM SOÁT CÁC YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

1. Việc kiểm soát các yếu tố hình thành giá thực hiện theo quy định tại Điều 22 a,



khoản 10, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP.

2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải kiểm soát các yếu tố hình thành giá gồm:

2.1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Nhà nước quy định tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP.

2.2. Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá khi có biến động bất thường quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP và phụ lục số 1a kèm theo Thông tư này.

2.3. Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 22b Nghị định số 75/2008/NĐ-CP; điểm 1.3, khoản 1, Mục VI và phụ lục số 1b kèm theo Thông tư này.

2.4. Hàng hóa, dịch vụ phải kiểm soát các yếu tố hình thành giá theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Việc xử lý các vi phạm trong lĩnh vực giá thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá và những quy định của pháp luật có liên quan.

## VI. ĐĂNG KÝ GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá:

Hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá quy định tại Phụ lục số 1b kèm theo Thông tư này.

2. Doanh nghiệp phải đăng ký giá:

Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải đăng ký giá là các Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty, Công ty Cổ phần, Công ty TNHH có trên 50% vốn sở hữu nhà nước trong vốn Điều lệ doanh nghiệp.

Căn cứ tình hình biến động giá cả thị trường ở từng thời điểm cụ thể, Bộ Tài chính sẽ thông báo bổ sung các doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký giá.

3. Hình thức, nội dung và thủ tục đăng ký giá

3.1. Đăng ký giá được thực hiện dưới hình thức gửi hồ sơ đăng ký giá theo mẫu quy định thống nhất tại Phụ lục số 4 cho cơ quan tiếp nhận đăng ký giá theo quy định tại khoản 4, mục VI, phần B Thông tư này.

- Đăng ký giá lần đầu được thực hiện khi doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh bắt đầu đăng ký giá với cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá theo quy định tại Thông tư này.

- Đăng ký lại giá được thực hiện khi doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhận được yêu cầu phải đăng ký lại của cơ quan có thẩm quyền.

### 3.2. Nội dung hồ sơ đăng ký giá gồm:

- Mức giá đăng ký là giá do doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh quyết định tính theo: nguyên tắc, phương pháp Chính phủ quy định; Quy chế tính giá do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và hướng dẫn cụ thể của các Bộ ngành có liên quan; phù hợp với tiêu chuẩn, quy cách, chất lượng hàng hóa, dịch vụ.

- Dự kiến thời gian mức giá có hiệu lực.

- Thuyết minh cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá (kèm theo văn bản đăng ký giá).

### 3.3. Thủ tục đăng ký giá:

- Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá theo danh mục quy định tại Phụ lục 1b của Thông tư này, lập hồ sơ đăng ký giá gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá.

- Hồ sơ đăng ký giá được lập thành ba bộ gửi các cơ quan chức năng tài chính, ngành chuyên quản và lưu trữ tại đơn vị.

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá có trách nhiệm kiểm tra, đóng dấu đến và ghi rõ ngày tháng năm nhận hồ sơ theo đúng thủ tục hành chính.

- Khi cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá phát hiện giá do doanh nghiệp đăng ký có yếu tố không hợp lý phải có văn

bản gửi doanh nghiệp yêu cầu phân tích rõ những yếu tố không hợp lý và yêu cầu doanh nghiệp đăng ký lại giá.

- Trong thời gian tối đa bảy ngày (theo ngày làm việc và tính từ ngày ghi trên dấu công văn đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ) nếu không có yêu cầu đăng ký lại giá từ phía cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh tổ chức bán hàng hóa, dịch vụ theo giá đã đăng ký (đối với loại hàng hóa dễ xảy ra hiện tượng đầu cơ, găm hàng hưởng chênh lệch giá sẽ có văn bản quy định cho từng trường hợp cụ thể).

### 4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá

4.1. Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục 1b Thông tư này (trừ danh mục tại điểm 20 Phụ lục 1b) của doanh nghiệp thuộc phạm vi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành quản lý quy định tại khoản 2, mục VI, phần B Thông tư này.

4.2. Bộ, ngành quản lý chuyên ngành tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục 1b Thông tư này (trừ danh mục tại điểm 20 Phụ lục 1b) của doanh nghiệp thuộc phạm vi Bộ, ngành quản lý quy định tại khoản 2, mục VI, phần B Thông tư này.

4.3. Sở Tài chính, Sở chuyên quản ngành hàng tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá

hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục 1b Thông tư này đối với doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuộc cấp tỉnh quản lý quy định tại khoản 2, mục VI, phần B Thông tư này.

5. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân:

5.1. Đối với cơ quan tiếp nhận đăng ký giá: cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá có trách nhiệm phải xem xét hồ sơ đăng ký giá trong thời hạn tối đa không quá 7 ngày làm việc.

- Tiếp nhận đăng ký giá do doanh nghiệp đăng ký; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của hồ sơ; rà soát nội dung giá đăng ký; được phép yêu cầu doanh nghiệp dừng việc bán hàng theo giá đăng ký khi phát hiện giá do doanh nghiệp đăng ký có những yếu tố không hợp lý và yêu cầu doanh nghiệp đăng ký lại.

- Thực hiện công tác bảo mật đối với hồ sơ do doanh nghiệp đăng ký giá, bảo mật bản thuyết minh cơ cấu hình thành giá, mức giá trong thời gian mức giá đăng ký mới của doanh nghiệp chưa có hiệu lực thực hiện; chỉ sử dụng mức giá doanh nghiệp đăng ký phục vụ mục tiêu bình ổn giá, kiểm soát việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định khi cần thiết.

5.2. Đối với doanh nghiệp đăng ký giá:

- Trước khi ban hành Quyết định giá

bán hàng hóa, dịch vụ, doanh nghiệp có trách nhiệm đăng ký giá phải thực hiện đăng ký giá với cơ quan có thẩm quyền.

- Doanh nghiệp đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ gửi hồ sơ đăng ký giá cho cơ quan tiếp nhận đăng ký giá quy định tại điểm 4.1 và 4.2, khoản 4, mục VI, phần B Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 4 kèm theo Thông tư này. Hồ sơ đăng ký giá được lập thành 3 bộ (1 bộ đơn vị lưu, 1 bộ gửi cơ quan tiếp nhận đăng ký giá của Bộ Tài chính, 1 bộ gửi Bộ ngành quản lý).

- Doanh nghiệp đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ gửi hồ sơ đăng ký giá cho cơ quan tiếp nhận đăng ký giá quy định tại điểm 4.3, khoản 4, mục VI, phần B Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 4 kèm theo Thông tư này. Hồ sơ đăng ký giá được lập thành 3 bộ (1 bộ đơn vị lưu, 1 bộ gửi Sở Tài chính, 1 bộ gửi Sở chuyên quản).

- Doanh nghiệp đăng ký giá phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mức giá đăng ký.

- Công bố công khai thông tin về giá; niêm yết giá bán đã đăng ký công khai trong toàn hệ thống, thực hiện đúng giá niêm yết, đồng thời phải chấp hành các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật khi thị trường có biến động bất thường.



## VII. KÊ KHAI GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

### 1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá

1.1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá bao gồm các hàng hóa, dịch vụ theo Phụ lục số 1c kèm theo Thông tư này (trừ danh mục tài sản, hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá quy định tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP; danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1, mục VI, phần B, Thông tư này).

1.2. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá theo địa bàn địa phương cho phù hợp (ngoài danh mục quy định tại Phụ lục 1c).

### 2. Doanh nghiệp phải kê khai giá

Tất cả các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo danh mục quy định tại điểm 1.1, khoản 1, mục VII Thông tư này đều phải kê khai giá.

### 3. Hình thức, nội dung và thủ tục kê khai giá

3.1. Kê khai giá được thực hiện dưới hình thức doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh gửi văn bản kê khai giá cho cơ quan tiếp nhận kê khai giá (bao gồm kê khai giá lần đầu, kê khai lại giá).

### 3.2. Nội dung hồ sơ kê khai giá:

- Mức giá kê khai là giá bán cho khách hàng do doanh nghiệp sản xuất kinh doanh quy định phù hợp với quy cách, tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa, dịch vụ (hoặc mức giá mà doanh nghiệp đã thỏa thuận được với khách hàng).

- Bảng giá kê khai hoặc quyết định giá.

### 3.3. Thủ tục kê khai giá:

- Doanh nghiệp lập hồ sơ kê khai giá gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ kê khai giá quy định tại Thông tư này khi có quyết định thay đổi giá.

- Kê khai giá lần đầu được thực hiện khi doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh bắt đầu kê khai giá với cơ quan tiếp nhận hồ sơ kê khai giá theo quy định tại Thông tư này.

- Kê khai lại giá được thực hiện khi doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh điều chỉnh tăng hoặc giảm giá so với mức giá của lần kê khai trước và liền kề.

### 4. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá

4.1. Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của doanh nghiệp nhà nước sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Trung ương (Bộ, ngành) quản lý quy định tại điểm 1.1, khoản 1, mục VII, phần B Thông tư này.



4.2. Các Bộ, ngành tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của doanh nghiệp nhà nước sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Bộ, ngành quản lý quy định tại điểm 1.1, khoản 1, mục VII, phần B Thông tư này.

4.3. Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của các doanh nghiệp nhà nước sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc cơ quan cấp tỉnh quản lý quy định tại điểm 1.2 khoản 1 mục VII phần B Thông tư này.

5. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

5.1. Đối với cơ quan được nhận hồ sơ kê khai giá:

a) Khi nhận được hồ sơ kê khai giá, tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của hồ sơ, không thực hiện phê duyệt giá hàng hóa, dịch vụ do doanh nghiệp kê khai; chỉ ghi ngày, tháng, năm nhận văn bản và đóng dấu đến hồ sơ kê khai theo thủ tục hành chính.

b) Chỉ sử dụng mức giá do doanh nghiệp kê khai phục vụ mục tiêu bình ổn giá khi giá thị trường có biến động bất thường và kiểm soát việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

5.2. Đối với doanh nghiệp kê khai giá:

a) Doanh nghiệp phải kê khai giá có

trách nhiệm kê khai giá bán hàng hóa, dịch vụ của mình theo danh mục quy định tại phụ lục số 1c và hướng dẫn tại phụ lục số 5 kèm theo Thông tư này với cơ quan tiếp nhận hồ sơ kê khai giá;

b) Hồ sơ kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm 1.1, khoản 1, mục VII, phần B Thông tư này được lập thành 4 bộ: 1 bộ lưu tại doanh nghiệp kê khai giá, 1 bộ gửi Bộ, ngành quản lý, 1 bộ gửi Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính), 1 bộ gửi Sở Tài chính;

Hồ sơ kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm 1.2 khoản 1 mục VII phần B, Thông tư này được lập thành 3 bộ: 1 bộ lưu tại doanh nghiệp kê khai giá, 1 bộ gửi Sở Tài chính, 1 bộ gửi Sở Công thương. Sở Tài chính cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp và định kỳ hàng tháng gửi báo cáo tình hình kê khai giá hàng hóa, dịch vụ tại địa phương về Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính).

c) Doanh nghiệp kê khai giá thực hiện bán hàng hóa, dịch vụ theo giá kê khai công bố công khai thông tin về giá và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn đối với các mức giá đã kê khai.

## C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công

báo. Bãi bỏ Thông tư số 15/2004/TT-BTC ngày 09/3/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và những quy định trước đây trái với Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

## Phụ lục số 1a

*(ban hành kèm theo Thông tư số 104/2008/TT-BTC**ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính)*

## DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN BÌNH ỔN GIÁ

1. Xăng, dầu.
2. Xi măng.
3. Thép xây dựng.
4. Khí hóa lỏng.
5. Phân bón hóa học.
6. Thuốc bảo vệ thực vật.
7. Thuốc thú y: Vac xin lở mồm long móng; vac xin cúm gia cầm; Các loại kháng sinh: Oxytetracycline, Ampicilline, Tylosin, Enrofloxacin dạng thuốc tiêm, thuốc viên, thuốc bột (tên gốc và tên thương mại).
8. Muối do diêm dân sản xuất.
9. Sữa.
10. Đường ăn (đường trắng và đường tinh luyện).
11. Thóc, gạo.
12. Thuốc phòng, chữa bệnh cho người bao gồm các loại thuốc thuộc danh mục thuốc chữa bệnh chủ yếu sử dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế.
13. Cước vận chuyên hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng.
14. Thức ăn chăn nuôi gia súc: ngô, đậu tương, khô dầu đậu tương.
15. Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.



## Phụ lục số 1b

(ban hành kèm theo Thông tư số 104/2008/TT-BTC  
ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính)

## DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIÁ

1. Xăng, dầu.
2. Xi măng.
3. Thép xây dựng.
4. Khí hóa lỏng.
5. Nước sạch cho sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.
6. Phân bón hóa học: phân U rê, DAP, NPK, phân Lân.
7. Thuốc bảo vệ thực vật: (tên gốc và tên thương mại)
  - + Thuốc trừ sâu: Fenobucarb (min 96%), Etofenrox (min 96%), Buprofezin (min 98%), Imidacloprid (min 96%), Fipronil (min 96%);
  - + Thuốc trừ bệnh: Isoprothiolane (min 96%), Tricyclazole (min 95%), Kasugamycin (min 70%);
  - + Thuốc trừ cỏ: Glyphosate (min 95%), Pretilachlor, Quinclorac (min 99%).
8. Thuốc thú y: Vac xin lở mồm long móng; vac xin cúm gia cầm; các loại kháng sinh: Oxytetracycline, Ampicilline, Tylosin, Enrofloxacin dạng thuốc tiêm, thuốc viên, thuốc bột (tên gốc và tên thương mại), Oxytetracycline dạng bột trộn thức ăn gia súc.
9. Muối ăn do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký.
10. Sữa bột cho trẻ em dưới 6 tuổi.
11. Đường ăn: đường trắng và đường tinh luyện.
12. Gạo do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký.
13. Thức ăn chăn nuôi gia súc: ngô, đậu tương, khô dầu đậu tương do các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi đăng ký.
14. Than.

15. Giấy: giấy in, giấy in báo, giấy viết.
16. Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng.
17. Dịch vụ bưu chính viễn thông theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT ngày 13/12/2007.
18. Sách giáo khoa.
19. Giá vé máy bay trên các đường bay nội địa không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá.
20. Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá (ngoài danh mục trên) theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

## Phụ lục số 1c

*(ban hành kèm theo Thông tư số 104/2008/TT-BTC  
ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính)*

## DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ

1. Vật liệu nổ công nghiệp.
2. Dịch vụ cảng biển theo danh mục trong Biểu giá dịch vụ cảng biển do tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ cảng biển ban hành.
3. Dịch vụ tại cảng hàng không sân bay theo danh mục trong Biểu giá dịch vụ cảng hàng không do Giám đốc cảng hàng không, sân bay ban hành.
4. Giá vé máy bay trên các đường bay nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá.
5. Cước vận tải bằng ô tô thực hiện theo Thông tư liên tịch số 86/TTLT-BTC-BGTVT ngày 18/7/2007 của liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về mẫu vé khách (khai giá cước, niêm yết giá cước và kiểm tra thực hiện giá cước vận tải bằng ô tô).
6. Thuốc phòng, chữa bệnh cho người theo quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2007/TTLT-BYT-BTC-BCT ngày 31/8/2007 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về giá thuốc phòng, chữa bệnh cho người.
7. Thuốc lá điều sản xuất, tiêu thụ trong nước.
8. Ô tô nhập khẩu, sản xuất trong nước dưới 15 chỗ ngồi.



## Phụ lục số 2

*(ban hành kèm theo Thông tư số 104/2008/TT-BTC**ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính)*

**Tên đơn vị đề nghị  
định giá, điều chỉnh giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN GIÁ**

Tên hàng hóa, dịch vụ:.....

Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Số Fax:.....

**Tên đơn vị đề nghị  
định giá, điều chỉnh giá**

Số...../.....

V/v: Thẩm định phương  
án giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm....

*Kính gửi: (tên các cơ quan nhà nước có thẩm quyền  
thẩm định phương án giá, quy định giá)*

Thực hiện quy định tại Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ.

*...(tên đơn vị đề nghị định giá, điều chỉnh giá) đã lập phương án giá về sản phẩm...  
(tên hàng hóa, dịch vụ) (có phương án giá kèm theo).*

Đề nghị.... *(tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án giá, quy định giá)* xem xét quy định giá... *(tên hàng hóa, dịch vụ)* theo quy định hiện hành của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Đơn vị đề nghị định giá (hoặc điều chỉnh giá)

**Tên đơn vị đề nghị định  
giá, điều chỉnh giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**PHƯƠNG ÁN GIÁ  
(Đối với hàng hóa nhập khẩu)**

Tên hàng hóa.....

Đơn vị nhập khẩu.....

Quy cách phẩm chất.....

Xuất xứ hàng hóa.....

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU  
CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

Số TT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
1	Giá nhập khẩu CIF			
2	Thuế nhập khẩu (nếu có)			
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
4	Chi phí bằng tiền khác			
5	Giá vốn nhập khẩu			
6	Lợi nhuận dự kiến			
7	Giá bán dự kiến			

**II. BẢNG GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ  
ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

1. Giá nhập khẩu CIF

2. Tỷ giá tại thời điểm vay ngoại tệ nhập khẩu ở ngân hàng mà doanh nghiệp giao dịch.



3. Giá nhập khẩu bằng tiền Việt Nam
4. Thuế nhập khẩu
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt
6. Phụ thu (nếu có)
- 7 Chi phí lưu thông (vận chuyển, bốc xếp, thuê kho bãi, hao hụt...)
8. Các khoản chi phí khác theo luật định
9. Giá vốn
10. Lợi nhuận
11. Chi phí tiêu thụ
12. Giá bán (chưa có thuế GTGT).

**Tên đơn vị đề nghị định  
giá, điều chỉnh giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**PHƯƠNG ÁN GIÁ**

*(Đối với hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước)*

Tên hàng hóa, dịch vụ.....

Đơn vị sản xuất.....

Quy cách phẩm chất.....

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí tiền công trực tiếp				
1.3	Chi phí sản xuất chung:				
a	Chi phí nhân viên phân xưởng				
b	Chi phí vật liệu				
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất:				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
	Tổng giá thành toàn bộ				

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng sản lượng				
	Giá thành đơn vị sản phẩm				
4	Lợi nhuận dự kiến				
	Giá bán chưa thuế				
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

## II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Lợi nhuận dự kiến
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
6. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
7. Giá bán (đã có thuế).



Số...../.....

..., ngày... tháng... năm....

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền định giá)

Sau khi nghiên cứu, xem xét phương án giá (hoặc điều chỉnh giá) kèm theo công văn số... ngày... tháng... năm... của... (tên cơ quan, đơn vị đề nghị định giá, điều chỉnh giá),... (tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án giá) có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ phương án giá (điều chỉnh giá):
2. Tính khả thi của mức giá được quy định (hoặc điều chỉnh giá):
3. Kiến nghị:

Sau khi xem xét,... (*Tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án giá*) đề nghị mức giá (mức điều chỉnh giá) là..... đồng (hoặc tại phụ lục kèm theo Công văn này - đối với trường hợp có nhiều mặt hàng).

Đề nghị..... (tên cơ quan có thẩm quyền định giá) xem xét, ban hành theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Luru:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án giá)

Phụ lục số 3

(ban hành kèm theo Thông tư số 104/2008/TT-BTC  
ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính)

Tên đơn vị đề nghị  
hiệp thương giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 20...

### **HỒ SƠ HIỆP THƯƠNG GIÁ**

Tên hàng hóa, dịch vụ:.....

Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Số Fax:.....

**Tên đơn vị đề nghị  
hiệp thương giá**  
Số...../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v: hiệp thương giá

..., ngày... tháng... năm....

Kính gửi: *(tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệp thương giá)*

Thực hiện quy định tại Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ,... *(tên đơn vị đề nghị hiệp thương giá)* đề nghị... *(tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệp thương giá)* tổ chức hiệp thương giá... *(tên hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương giá)* do... *(tên đơn vị sản xuất, kinh doanh sản xuất hoặc nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ)* (kèm theo phương án giá hiệp thương), cụ thể như sau:

1. Bên bán:.....

2. Bên mua:.....

3. Tên hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá:.....

- Quy cách, phẩm chất:.....

- Mức giá đề nghị của bên bán.....

- Mức giá đề nghị của bên mua.....

- Thời điểm thi hành mức giá.....

- Điều kiện thanh toán.....

4. Nội dung chính của phương án giá hiệp thương:.....

.....

.....

Nơi nhận:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

- Như trên;

- Đơn vị mua hoặc bán:

- Lưu:

**Tên đơn vị đề nghị  
hiệp thương giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**PHƯƠNG ÁN GIÁ HIỆP THƯƠNG**  
(kèm theo Công văn số...../... ngày...../.../... của.....)

Tên hàng hóa đề nghị hiệp thương giá:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất:

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				
1.3	Chi phí sản xuất chung:				
a	Chi phí nhân viên phân xưởng				
b	Chi phí vật liệu				
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất:				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
	Tổng giá thành toàn bộ				



Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Lượng	Đơn giá	Thành tiền
4	Lợi nhuận dự kiến				
	Giá bán chưa thuế				
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

## II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ

1. Chi phí sản xuất:
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Lợi nhuận dự kiến
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
6. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
7. Giá bán (đã có thuế).

## Phụ lục số 4

(ban hành kèm theo Thông tư số 104/2008/TT-BTC  
ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính)

Tên đơn vị  
thực hiện đăng ký giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ GIÁ**

Tên hàng hóa, dịch vụ:.....

Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Số Fax:.....

Thực hiện từ ngày..... tháng..... năm.....

**Tên đơn vị đăng ký giá      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số...../.....

V/v: đăng ký giá

..., ngày... tháng... năm....

Kính gửi: *(Tên cơ quan tiếp nhận Hồ sơ đăng ký giá)*

Thực hiện quy định tại Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ.

...(tên đơn vị đăng ký) gửi Hồ sơ đăng ký giá kèm theo gồm các văn bản sau:

1. Mức giá đăng ký:.....
2. Thuyết minh cơ cấu tính giá:.....

Mức giá tại Hồ sơ gửi kèm theo Công văn này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... /... /....

... (tên đơn vị đăng ký) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn của mức giá mà chúng tôi đã đăng ký.

Đề nghị Quý cơ quan ghi nhận ngày nộp Hồ sơ đăng ký giá của... (tên đơn vị đăng ký) theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Đơn vị đăng ký giá)

**Ghi nhận ngày nộp Hồ sơ đăng ký giá**  
**của cơ quan quản lý nhà nước**





Tên đơn vị  
đăng ký giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ HÀNG HÓA,  
DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**  
(kèm theo Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất:

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				
1.3	Chi phí sản xuất chung:				
a	Chi phí nhân viên phân xưởng				
b	Chi phí vật liệu				
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất:				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng giá thành toàn bộ				
4	Lợi nhuận dự kiến				
	Giá bán chưa thuế				
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

## II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ

1. Chi phí sản xuất:
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Lợi nhuận dự kiến
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
6. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
7. Giá bán (đã có thuế).

## Phụ lục số 5

*(ban hành kèm theo Thông tư số 104/2008/TT-BTC**ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính)*

**Tên đơn vị**  
**thực hiện kê khai giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**HỒ SƠ KÊ KHAI GIÁ**

Tên hàng hóa, dịch vụ:.....

Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Số Fax:.....

Thực hiện từ ngày..... tháng..... năm.....

**Tên đơn vị kê khai giá      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số...../.....

V/v: kê khai giá

..., ngày... tháng... năm....

*Kính gửi: (tên các cơ quan tiếp nhận Hồ sơ kê khai giá)*

Thực hiện quy định tại Thông tư số.../2008/TT-BTC ngày... tháng... năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ.

...(tên đơn vị đăng ký) gửi Hồ sơ kê khai giá kèm theo gồm các văn bản sau:

1. Công văn gửi cơ quan tiếp nhận kê khai.....
2. Mức giá kê khai:.....

Mức giá tại Hồ sơ gửi kèm theo công văn này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.../.../200....

3. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá kê khai:

... (tên đơn vị đăng ký) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Đề nghị Quý cơ quan ghi nhận ngày nộp Hồ sơ kê khai giá của... (tên đơn vị đăng ký) theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi nhận ngày nộp Hồ sơ kê khai giá**  
**của cơ quan tiếp nhận Hồ sơ**  
*(Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ kê khai giá*  
*ghi ngày, tháng, năm nhận được Hồ sơ*  
*kê khai giá và đóng dấu công văn đến)*



